

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.
4th Floor, Saigon Tower
29 Le Duan Street, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam
Telephone: (84-8) 3823 0796
Facsimile: (84-8) 3825 1947

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Ngân hàng") tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét của Kiểm toán viên

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Công việc soát xét các báo cáo tài chính bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của đơn vị phụ trách các vấn đề kế toán và tài chính, và áp dụng các thủ tục phân tích và các quy trình soát xét khác. Công việc soát xét có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và vì vậy chúng tôi không thể thu thập một mức độ đảm bảo rằng chúng tôi phát hiện tất cả các vấn đề trọng yếu như là một cuộc kiểm toán phát hiện. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi thấy không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên mọi phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Nguyễn Phi Lan
Số chứng chỉ KTV: N.0573/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

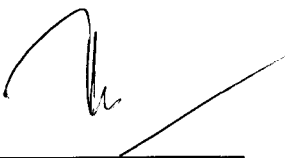
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2926
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

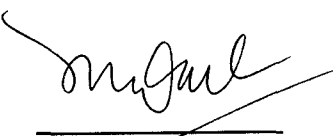
Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
MẪU SỐ B 03a/TCTD
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

			Giai đoạn từ 1.1.2011 đến 30.6.2011 Triệu đồng	Giai đoạn từ 1.1.2010 đến 30.6.2010 Triệu đồng
	Ghi chú			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	8.064.714	4.497.066
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(5.600.333)	(3.247.632)
I	Thu nhập lãi thuần		2.464.381	1.249.434
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	689.092	484.188
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	27	(199.848)	(89.600)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		489.244	394.588
III	(Lỗ)/ Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, vàng và các công cụ tài chính phái sinh	28	(42.608)	20.766
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	(67.769)	(29.426)
V	(Lỗ)/ Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	(921)	8.854
5	Thu nhập từ hoạt động khác		22.341	30.406
6	Chi phí hoạt động khác		(4.948)	(8.007)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	33	17.393	22.399
VII	Thu nhập từ cổ tức và góp vốn, mua cổ phần	31	124.099	472.696
VIII	Chi phí quản lý chung	32	(1.257.816)	(872.359)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.726.003	1.266.952
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5, 9, 15 21.1	(235.514)	(125.060)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.490.489	1.141.892
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	(353.277)	(297.604)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	-	-
XII	Chi phí thuế TNDN		(353.277)	(297.604)
XIII	Lợi nhuận thuần trong giai đoạn		1.137.212	844.288


 Lưu Văn Hòa
 Người lập


 Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng




 Trần Xuân Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 50 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.